

Số: 152/KH-LĐLĐ

Gia Lâm, ngày 13 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH

Khảo sát việc thực hiện chính sách lao động nữ năm 2020

Thực hiện chỉ đạo của LĐLĐ thành phố Hà Nội và Chương trình công tác Nữ công năm 2020, LĐLĐ huyện Gia Lâm xây dựng kế hoạch khảo sát việc thực hiện chính sách lao động nữ tại các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến lao động nữ tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; tập hợp các kiến nghị, đề xuất của người lao động và người sử dụng lao động đối với Đảng, Nhà nước, Tổng LĐLĐ Việt Nam và thành phố Hà Nội.

- Nâng cao trách nhiệm của Ban Chấp hành CĐCS, đội ngũ cán bộ làm công tác nữ công thông qua tổ chức hoạt động Ban Nữ công quần chúng; đặc biệt trong tham mưu xây dựng thỏa ước lao động tập thể, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế của doanh nghiệp, những vấn đề liên quan đến lao động nữ theo Bộ Luật Lao động 2012, Luật BHXH 2014 và Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ.

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động nữ tại các doanh nghiệp có từ 10 lao động nữ trở lên.

II. NỘI DUNG

- Tổ chức khảo sát tại các doanh nghiệp có đông lao động nữ trên địa bàn quản lý (có thể phối kết hợp cùng đoàn kiểm tra liên ngành của huyện hoặc đoàn kiểm tra toàn diện Công đoàn, nhưng trong biên bản cần có nội dung về việc thực hiện chính sách lao động nữ).

- Hướng dẫn cho Ban nữ công quần chúng CĐCS các doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp có đông lao động nữ trên địa bàn các nội dung có lợi hơn cho lao động nữ theo quy định của pháp luật, để tham mưu với ban chấp hành công đoàn cùng cấp trong thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể.

- Báo cáo tình hình lao động nữ tại doanh nghiệp và kết quả thực hiện các quy định của Bộ Luật Lao động 2012; Luật BHXH 2014 và Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ.

- Báo cáo kết quả hoạt động công tác nữ công; kết quả thực hiện Luật Bình đẳng giới của CĐCS (theo biểu mẫu).

- Đề xuất, kiến nghị của đơn vị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với LĐLĐ Huyện

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các CĐCS trực thuộc triển khai thực hiện.
- Tổng hợp kết quả khảo sát và các đề xuất, kiến nghị của CĐCS báo cáo LĐLĐ Thành phố.
- Phối hợp kiểm tra, khảo sát chế độ chính sách lao động nữ từ 10-15 doanh nghiệp có từ 10 lao động nữ trở lên.
- Hướng dẫn các CĐCS tự kiểm tra, giám sát về việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến lao động nữ.

2. Đối với công đoàn cơ sở

- Triển khai kế hoạch của LĐLĐ Huyện; tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến lao động nữ tại đơn vị trong quý 2, quý 3 năm 2020.
- Tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát; các kiến nghị, đề xuất của cơ sở (theo mẫu) gửi về LĐLĐ Huyện **trước ngày 15/10/2020.**

Nơi nhận:

- Ban Nữ công LĐLĐ TP HN;
- Thường trực LĐLĐ huyện;
- CĐCS trực thuộc;
- Lưu: VT, NC.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]
Đào Xuân Trường

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NỮ NĂM 2020
(Mẫu dành cho Công đoàn cơ sở)
(Kèm theo KH số 27 /KH-LĐLĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020)

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
I	SỐ LIỆU CHUNG	
1	Nữ CNVCLĐ, đoàn viên	
	Tổng số nữ CNVCLĐ/ CNVCLĐ	
	Tổng số nữ đoàn viên/ đoàn viên	
2	Ban Nữ công quần chúng	
	Số đã thành lập	
	Số Ủy viên Ban Nữ công quần chúng	
II	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ	
1	Việc thực hiện ký hợp đồng lao động, BHXH, BHYT với LĐN	
	- Số LĐN được ký hợp đồng lao động	
	- Số LĐN được đóng BHXH	
	- Số LĐN được đóng BHYT	
2	Thỏa ước Lao động tập thể	
	- Đã ký TULĐTT	
	- TULĐTT có chính sách liên quan đến LĐN được quy định trong Bộ Luật Lao động, Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của CP	
3	Kiểm tra tình hình thực hiện chính sách pháp luật đối với LĐN	
	- Số cuộc CĐCS tự kiểm tra	
4	Tình hình thực hiện Nghị định 85/2015/NĐ-CP	
4.1	Cải thiện điều kiện lao động đối với LĐN	
4.1.1	Có đủ buồng tắm, nhà vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ Y tế.	
4.1.2	Lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ (theo quy định của Nghị định 85/2015/NĐ-CP): <i>Phòng vắt, trữ sữa mẹ là một không gian riêng biệt rộng tối thiểu 6m², có nguồn nước sạch, có nguồn điện, bảo đảm vệ sinh, được trang bị tủ lạnh, ghế, bàn; khăn giấy hoặc khăn lau, máy hút sữa, bình tiệt trùng (nếu có thể).</i>	
	- Số phòng hiện có	
	- Số phòng mới lắp đặt năm báo cáo	
	- Số lượt nữ sử dụng/1 năm	
4.2	Chăm sóc sức khỏe đối với LĐN	
4.2.1	Khám sức khỏe cho LĐN	
	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho LĐN	
	<i>Tổng số LĐN được khám</i>	

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
	- Tổ chức khám chuyên khoa phụ sản cho nữ CNVCLĐ theo danh mục khám chuyên khoa phụ sản do Bộ Y tế ban hành	
	<i>Tổng số LĐN được khám</i>	
	- Tổ chức khám tầm soát phát hiện ung thư sớm cho LĐN	
	<i>Tổng số LĐN được khám</i>	
4.2.2	Chế độ nghỉ cho LĐN trong thời kỳ kinh nguyệt	
	- Tổ chức nghỉ 30 phút/ngày, tối thiểu 3 ngày/tháng	
	- Tính trực tiếp vào lương	
	- Cộng dồn bổ sung vào số ngày nghỉ phép của năm	
	- Hình thức khác:	
4.2.3	Chế độ thai sản đối với LĐN	
	- Số LĐN nghỉ thai sản không được hưởng chế độ BHXH	
	- Số LĐN thực hiện quyền tạm hoãn hợp đồng lao động khi mang thai (khi có chỉ định của bác sỹ tiếp tục làm việc ảnh hưởng xấu tới thai nhi)	
	- Số LĐN thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi mang thai (khi có chỉ định của bác sỹ tiếp tục làm việc ảnh hưởng xấu tới thai nhi)	
4.2.4	LĐN trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi	
	- Số LĐN không được nghỉ 60 phút trong thời gian làm việc để cho con bú, vắt, trữ sữa, nghỉ ngơi	
	- Số LĐN nghỉ 60 phút không được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động.	
4.3	Doanh nghiệp có môi trường làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
	- Số LĐN làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
	- Số LĐN làm công việc nặng nhọc khi mang thai từ tháng thứ 07, được chuyển làm công việc nhẹ hơn hoặc được giảm bớt 01 giờ làm việc hàng ngày mà vẫn hưởng đủ lương	
4.4	Chính sách hỗ trợ của người sử dụng lao động	
4.4.1	Xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho LĐN có con trong độ tuổi gửi trẻ, mẫu giáo	
	- Có nhà trẻ, lớp mẫu giáo	
	- Số LĐN được hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo	
	- Mức hỗ trợ bình quân cho 01 LĐN bằng tiền mặt	
	Hoặc hình thức hỗ trợ bằng hiện vật.....	
4.4.2	Hỗ trợ thêm cho lao động nữ sau khi sinh con	
	- Mức hỗ trợ bình quân cho 01 LĐN bằng tiền mặt	
	Hoặc hình thức hỗ trợ bằng hiện vật.....	
4.5	Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động	
4.5.1	- DN được hưởng các Chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định khi đầu tư xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, cơ sở y tế, công trình văn hóa và các công trình phúc lợi khác nếu đủ điều kiện về quy mô, tiêu chuẩn của Thủ tướng Chính phủ	

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
4.5.2	- DN được giảm thuế thu nhập DN theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập DN do sử dụng đồng LĐN	
III	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BAN NỮ CÔNG QUẢN CHỨNG	
1	Công tác chăm lo và bảo vệ quyền lợi	
1.1	Nữ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn được trao trợ cấp - Số Nữ CNVCLĐ Số tiền	
1.2	Tổ chức tặng quà cho trẻ em khó khăn, con CNVCLĐ nhân dịp tết Nguyên đán, 1/6, tết Trung thu ... - Số cháu - Số tiền	
1.3	Tổ chức hỗ trợ học bổng, khen thưởng con CNVCLĐ học giỏi nhân dịp năm học mới - Số cháu - Số tiền	
2	Công tác tuyên truyền, giáo dục trong nữ CNVCLĐ (tuyên truyền về CSPL; kiến thức về giới, bình đẳng giới; về phẩm chất đạo đức Phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước; về kiến thức về dân số, KHHGD, chăm sóc SKSS...) - Số cuộc - Số nữ CNVCLĐ tham gia	
3	Công tác thi đua	
3.1	Phong trào thi đua “GVN, ĐVN” - Tổng số nữ CNVCLĐ đăng ký tham gia phong trào - Số tập thể nữ CNVCLĐ đạt danh hiệu “GVN, ĐVN” - Số nữ đạt danh hiệu “GVN, ĐVN” được khen thưởng - Tổng số kinh phí khen thưởng	
3.2	Gia đình CNVCLĐ tiêu biểu - Số gia đình CNVCLĐ tiêu biểu được biểu dương, khen thưởng - Tổng số kinh phí khen thưởng	
3.3	Số nữ CNVCLĐ đạt danh hiệu SKST - Cấp Thành phố - Cấp trên trực tiếp cơ sở - Cấp cơ sở	
3.4	Số nữ CNVCLĐ đạt danh hiệu công nhân giỏi - Cấp Thành phố - Cấp trên trực tiếp cơ sở - Cấp cơ sở	
3.5	Số nữ CNVCLĐ được tặng bằng khen của TP, Thủ tướng Chính phủ, nhà nước...	

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
4	Xây dựng đội ngũ	
4.1	- Số cán bộ nữ tham gia cấp Ủy Đảng Tỷ lệ.....	
	- Số nữ tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị, doanh nghiệp Tỷ lệ.....	
4.2	Số nữ CNVCLĐ được nâng cao trình độ học vấn	
	- Học hàm, học vị (PGS, TS, Ths)	
	- Đại học, Cao đẳng	
	- Trung học chuyên nghiệp, học nghề	
	- Lý luận chính trị (trung cấp, cử nhân, cao cấp)	
	- Ngoại ngữ	
	- Tin học	

IV. CÁC QUY ĐỊNH CÓ LỢI HƠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐỐI VỚI LĐN

.....
.....
.....
.....
.....
.....

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....
.....

TM. BAN CHẤP HÀNH
(Ký tên, đóng dấu)